

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HSST
Ngày 25 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Thanh Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thân – Cán bộ hưu trí Phường 19, quận Bình Thạnh

2. Ông Lê Hữu L – Phó Hiệu trưởng Trường tiểu học Lam Sơn, quận Bình Thạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Luy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 181/2020/TLST-HS ngày 17/12/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành L; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày: 08/10/2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 165 T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 302/10 đường L, phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên giao hàng; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn T và con bà: Nguyễn Phi K, chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Tạm giam từ ngày: 11/9/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ của bị cáo Nguyễn Thành L:

Bà Nguyễn Phi K, sinh năm 1971 (Là mẹ ruột của bị cáo) (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: 165 T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 217/10/9/2 C, phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nguyễn Thị Ánh S; tên gọi khác: không; giới tính: nữ; sinh ngày 25/6/2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 348/94 P, Phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 105/6 Lộc , khu phố 3C, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Minh Thương và con bà: không rõ, chưa có chồng con. Tiền án, tiền sự: không. Tạm giam từ ngày: 11/9/2020 đến ngày 17/9/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú do có thai theo phiếu khám sức khỏe số 9210/2020 của Trại tạm giam Chí Hòa Công an thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Hoàng Kim D, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 202-A2 số đường T, phường C, quận B, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: 232/31 Q, Phường A, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Võ Trọng K (có đơn xin vắng mặt); địa chỉ: 250/5 đường T, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt); địa chỉ: 154/5, Phường C, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Trần Minh N, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt); địa chỉ: 1/50/13 T, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người tham gia tố tụng khác:

1/ Người bào chữa chỉ định cho bị cáo là người chưa thành niên Nguyễn Thành L: Ông Trần Tấn Trí Nhân, sinh năm 1969 (có mặt) – Luật sư Văn phòng luật sư Trần Công Ly Tao thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ánh S: Ông Nguyễn Hữu Phúc (có mặt) – Luật sư Công ty luật TNHH Hồng Đức Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 00 phút ngày 11/9/2020, Nguyễn Thành L đang ở nhà thì có bạn gái là Nguyễn Thị Ánh S điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Luvias biển số: 59D1-95205 đến nhà L rủ đi chơi. Trong lúc đi chơi, S có kể với L là đang thiếu tiền tiêu xài, lúc này L đang điều khiển xe lưu thông trên đường Xô Viết Nghệ Tĩnh hướng từ giao lộ Đài liệt sỹ về cầu Kinh – Thanh Đa thì phát hiện ông Hoàng Kim Tùng đang vừa đi bộ vừa sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 plus nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. L liền bàn bạc rủ S cướp giật chiếc điện thoại trên để bán lấy tiền tiêu xài thì S đồng ý.

Tại trước số 623 X, Phường C, quận Y, L điều khiển xe đi từ bên phải S bên trái đường đi ngược chiều từ phía sau chạy lên áp sát bên phải ông T rồi trực tiếp dùng tay trái cướp giật được điện thoại sau đó chuyển ra sau cho S cầm giữ chiếc điện thoại trên để L tăng ga bỏ chạy thì ông T tri hô và người dân xung quanh đuổi theo đến cầu Kinh – Thanh Đa thì ép xe giữ được L và S cùng vật chứng giao công an xử lý. Công an Phường C lập biên bản phạm tội quả tang đối với L và S về hành vi cướp giật tài sản và chuyển Công an quận Bình Thạnh thụ lý giải quyết theo quy định.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh, Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Ánh S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. (BL: 40-41, 78-79)

Tại Kết luận định giá tài sản số: 499 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Bình Thạnh: “01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 plus màu bạc dung lượng 128GB trị giá 5.000.000đ” (BL: 120)

Vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 plus đã trả lại cho bị hại Hoàng Kim T.

Thu giữ của Nguyễn Thị Ánh S:

- 01 chiếc xe máy hiệu Yamaha Luvias biển số: 59D1-95205 là phương tiện sử dụng để cướp giật tài sản. Nguyễn Thị Ánh S cho biết chiếc xe trên của S mua của 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) tại quận Gò Vấp, có giấy đăng ký xe nhưng chưa S tên. Qua xác minh chiếc xe trên do ông Ngô Võ Trọng K đứng tên chủ sở hữu, ông K khai đã bán chiếc xe trên cho người thanh niên không rõ lai lịch vào năm 2017.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển số: 59D1-95205

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A31

- 01 túi xách nữ màu hồng

Thu giữ của Nguyễn Thành L:

- 01 cây gậy 3 khúc bằng kim loại và 01 con dao bấm bằng kim loại, L khai dùng để phòng thân

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6

- 01 bóp da màu đen

- 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thành L

Về dân sự: bị hại Hoàng Kim T đã nhận được tài sản nên không yêu cầu bồi thường và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Thành L, Nguyễn Thị Ánh S.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội “Cướp giật tài sản” của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 01/CTr-VKSBTh ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Ánh S về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh thực hành quyền công tố trình bày quan điểm của Viện kiểm sát đối với vụ án, sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L từ 02 (hai) năm tù đến 03 (ba) năm tù và bị cáo Nguyễn Thị Ánh S từ 02 (hai) năm tù đến 03 (ba) năm tù, các vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo là người chưa thành niên, tuổi đời còn rất trẻ nên hạn chế về nhận thức pháp luật; bị cáo cũng đã nhận thấy cái sai của mình và rất ăn năn hối hận, gia đình cam kết bảo lãnh, quan tâm, quản lý, giáo dục, tạo điều kiện để bị cáo được tự cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền và gia đình để có việc làm ổn định, làm người tốt cho xã hội và gia đình.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L đồng ý với tội danh và các điều khoản mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với các bị cáo, tuy nhiên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo là người chưa thành niên, tuổi đời còn rất trẻ nên hạn chế về nhận thức pháp luật; bị cáo cũng đã nhận thấy cái sai của mình và rất ăn năn hối hận, gia đình khó khăn, cha mẹ

ly hôn, bị cáo sống với mẹ nên phải đi làm sớm để phụ giúp gia đình, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội chưa đạt, chưa gây hậu quả nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 để xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, tạo điều kiện cho bị cáo được sớm cải tạo, làm người tốt cho xã hội và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ khác để cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ánh S thực hiện quyền bào chữa như sau: luật sư thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo, tuy nhiên đề nghị mức án từ hai năm tù đến ba năm tù là quá cao, bị cáo thiếu tiền, nghe lời rủ rê nên mới thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo mồ côi mẹ từ nhỏ, quá trình điều tra đến nay luôn thành khẩn khai báo, bị cáo là phụ nữ có thai và đã được người bị hại bãi nại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n, điểm s, khoản 1 Điều 51, áp dụng Điều 54 để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất dưới khung.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tranh luận: Viện kiểm sát không đồng ý về việc áp dụng điểm l, khoản 1, Điều 51 đối với bị cáo L vì bị cáo không thuộc trường hợp hạn chế nhận thức. Việc bị cáo S phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn, nhưng đây là tội phạm cấu thành hình thức chứ không cấu thành vật chất, do đó Viện kiểm sát không đồng ý về việc áp dụng điểm h, khoản 1, Điều 51 đối với bị cáo S. Viện kiểm sát đã vận dụng hết các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Việc Luật sư đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo sẽ do Hội đồng xét xử quyết định. Viện kiểm sát không tranh luận gì thêm và giữ nguyên quan điểm truy tố của mình như đã trình bày.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận gì, thừa nhận hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Kiểm sát viên thu thập và các bị cáo người đại diện hợp pháp, luật sư của các bị cáo cung cấp đều thực hiện đúng quy trình, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp, luật sư của các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu

đã thu thập, cung cấp. Do đó những chứng cứ tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, dùng nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi do các bị cáo thực hiện trong vụ án như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã nêu.

Hội đồng xét xử nhận thấy, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 11/9/2020, tại trước số 623 X, Phường C, quận Y, Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Ánh S cùng nhau bàn bạc cướp giật tài sản mục đích là bán lấy tiền tiêu xài. L điều khiển xe máy chở S ngồi sau, chạy ngược chiều bên trái đường rồi áp sát bên phải của ông Hoàng Kim T, L trực tiếp dùng tay trái giật điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 plus trị giá 5.000.000 đồng của ông T rồi chuyển ra sau cho S với vai trò giúp sức cầm giữ chiếc điện thoại trên. Hành vi trên của Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Ánh S đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”.

Các bị cáo Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Ánh S đã có hành vi công khai, liêu lĩnh, dùng xe gắn máy có phân khối lớn áp sát nạn nhân để cướp giật tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát – tức là đã dùng thủ đoạn nguy hiểm. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã hoàn thành. Đây là lỗi cố ý, do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Về động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bằng ý thức của mình, các bị cáo biết rõ đó là tài sản đang thuộc sở hữu của người khác nhưng với ý đồ chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài

mà không phải tốn công sức lao động vất vả nên các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở về cách quản lý tài sản của chủ sở hữu để thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý xã hội của Nhà nước, gây tác động xấu đến đời sống xã hội, gây hoang mang lo lắng cho nhân dân khi tham gia lưu thông trên đường phố. Hành vi cướp giật tài sản còn có thể gây nguy hại đến sức khỏe, sinh mạng của con người khi các bị cáo cố tình trốn chạy sự truy đuổi của người dân và cơ quan chức năng nên Hội đồng xét xử cần phải có một hình phạt thích đáng đối với các bị cáo mới có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo L là người điều khiển phương tiện xe gắn máy và trực tiếp dùng tay thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người bị hại, rồi chuyển ra sau cho S với vai trò giúp sức cầm giữ chiếc điện thoại trên.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L là người chưa thành niên, vừa bước qua 17 tuổi, do đó Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, độ tuổi của bị cáo khi lượng hình, cần áp dụng các điều luật về người chưa thành niên cho bị cáo L quy định tại Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại và họ cũng không có yêu cầu bồi thường gì khác đối với các bị cáo, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

Xét lời bào chữa của Luật sư, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở một phần nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo L theo quy định của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận và miễn xét.

[6] Về vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 của Nguyễn Thành L, 01 bóp da màu đen, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thành L. Xét đây là tài sản riêng của bị cáo L, không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng tuyên trả lại cho bị cáo L.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A31, 01 túi xách nữ màu hồng. Xét đây là tài sản riêng của bị cáo S, không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo S.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển số: 59D1-95205, 01 xe gắn máy hiệu: Yamaha, số loại: Luvias, biển số: 59D1-95205, số máy 44S1-017710, số khung RLCL44S10AY017709, loại xe: 02 bánh từ 50 đến 175 cm³, dung tích xi lanh: 132 cm³, màu: nâu vàng bạc thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Ánh S. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản do bị cáo S đang sử dụng và sở hữu, bị cáo biết và chủ động dùng xe vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 cây gậy 3 khúc bằng kim loại và 01 con dao bấm bằng kim loại. Đây là vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Các vật chứng còn lại Cơ quan điều tra đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử ghi nhận và miễn xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Các bị cáo, người đại diện hợp pháp và luật sư bào chữa chỉ định của bị cáo L, người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Ánh S phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 54; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 02 (hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 11/09/2020.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s, điểm n, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ánh S 02 (hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành L 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6, 01 bóp da màu đen, 01 căn cước công dân.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Ánh S 01 điện thoại di động hiệu Samsung A31, 01 túi xách nữ màu hồng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển số: 59D1-95205, 01 xe gắn máy hiệu: Yamaha, số loại: Luvias, biển số: 59D1-95205, số máy 44S1-017710, số khung RLCL44S10AY017709, loại xe: 02 bánh từ 50 đến 175 cm³, dung tích xi lanh: 132 cm³, màu: nâu vàng bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cây gậy 3 khúc bằng kim loại và 01 con dao bấm bằng kim loại.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo Nguyễn Thành L và Nguyễn Thị Ánh S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo L, người bào chữa, những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Công an Q. Bình Thạnh;
- CC THA DS Q. Bình Thạnh
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Mười